

ĐỂ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GS.TS. HOÀNG THỊ CHÍNH*

Từ khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và cụ thể hoá bằng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, nông nghiệp VN đã có bước phát triển mạnh mẽ nhờ giải phóng sức lao động, phát huy được nội lực thông qua việc coi hộ nông dân là một đơn vị sản xuất cơ bản trong nông nghiệp. Từ một quốc gia phải nhập khẩu lương thực, VN đã trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, chỉ sau Thái Lan với số lượng xuất khẩu năm 2009 tới gần 6 triệu tấn. Hiện nay VN đã là một trong 4 nước xuất khẩu cà phê và cao su thiên nhiên; một trong 2 nước xuất khẩu hạt tiêu, điều và một trong 6 nước xuất khẩu thuỷ sản lớn nhất thế giới. Nhờ đó, đời sống người nông dân đã dần được cải thiện, tỷ lệ đói nghèo đã giảm xuống rõ rệt.

Tuy nhiên, nông nghiệp VN cũng đang phải đối đầu với nhiều thách thức cả trên 3 mặt kinh tế - xã hội và môi trường, mà nếu không có những giải pháp ngăn chặn thì nguy cơ đe dọa sự phát triển bền vững là rất lớn, làm mất cân bằng hệ sinh thái, ảnh hưởng đến các thế hệ tương lai và lại đẩy người nông dân về cuộc sống đói nghèo. Nội dung bài viết này đề cập đến thực trạng phát triển nông nghiệp ở VN trong thời gian qua được nhìn nhận ở góc độ phát triển bền vững, nhận dạng những nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm đưa nông nghiệp VN phát triển theo hướng bền vững.

1. Thế nào là một nền nông nghiệp phát triển bền vững?

Theo Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) thì phát triển bền vững nói chung là “sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” (1). Trên cơ sở đó, phát triển nông nghiệp bền vững chính là phải giải quyết một cách đồng bộ trên cả 3 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường.

Về kinh tế, muốn nông nghiệp phát triển bền vững, sản xuất nông nghiệp phải đạt hiệu quả cao, sản phẩm làm ra nhiều, không những đáp ứng

tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi, dự trữ lương thực mà còn xuất khẩu ra thị trường thế giới. Mà muốn xuất khẩu ra thị trường thế giới thì sản phẩm nông nghiệp phải sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng những yêu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng trong bối cảnh mức sống ngày càng được nâng cao rõ rệt.

Về xã hội, một nền nông nghiệp bền vững là phải đảm bảo cho người nông dân có đầy đủ công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được nâng cao, đảm bảo được nhu cầu vui chơi, giải trí thông qua các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, cuộc sống lành mạnh, không có các tệ nạn xã hội.

Về môi trường, nông nghiệp phát triển bền vững là không hủy hoại nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên rừng và biển, đảm bảo cân bằng hệ sinh thái, giữ nguồn nước ngầm trong sạch, không gây ô nhiễm môi trường. Nông nghiệp bền vững là nền nông nghiệp mà ở đó con người tồn tại và sử dụng tài nguyên phong phú của thiên nhiên nhưng không tàn phá thiên nhiên...

Như vậy, một nền nông nghiệp phát triển bền vững phải bảo đảm được mục đích là kiến tạo một hệ thống bền vững về mặt sinh thái, có tiềm lực về kinh tế, có khả năng thoả mãn nhu cầu của con người mà không huỷ diệt đất đai, không làm ô nhiễm môi trường, đảm bảo lợi ích cho các thế hệ mai sau.

Ba mặt trên đây lại có mối quan hữu cơ mật thiết với nhau. Nếu một trong 3 lợi ích đó bị vi phạm thì 2 lợi ích còn lại lập tức bị đe dọa. Thí dụ, nếu không đảm bảo lợi ích kinh tế, người nông dân thiếu ăn, thiếu việc làm khiến không thể đảm bảo các mục tiêu về xã hội, lại chặt phá rừng và lợi ích môi trường cũng không đạt được. Mà chặt phá rừng thì làm cho đất đai bị xói mòn, năng suất thấp, không hiệu quả. Tất cả trở thành một cái vòng luẩn quẩn: Sản xuất không hiệu quả – thu nhập thấp – đói nghèo – tàn phá thiên nhiên – sản xuất không hiệu quả... Hơn nữa, muốn nông nghiệp

* Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

phát triển bền vững là phải giải quyết đồng bộ các mục tiêu trên, nếu không thì để đạt được mục tiêu này đôi khi lại ảnh hưởng không tốt đến mục tiêu khác. Thí dụ, để đảm bảo lợi ích kinh tế, cần thiết phải cơ giới hoá nông nghiệp, giải phóng sức lao động, nhưng nếu không có những chính sách giải quyết công ăn việc làm cho số người lao động dôi ra thì lại không đảm bảo được lợi ích xã hội. Hoặc để đảm bảo năng suất cây trồng cao nhằm đạt được mục tiêu về kinh tế phải bón phân hoá học, phải dùng thuốc trừ sâu...nhưng nếu lạm dụng điều đó lại gây ô nhiễm môi trường, rau, củ quả ăn vào độc hại, không đảm bảo được mục tiêu về môi trường và chất lượng cuộc sống.

2. Thực trạng phát triển nông nghiệp VN theo hướng bền vững

Về mặt kinh tế

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển khá trong thời gian qua. Điều đó thể hiện qua các chỉ tiêu như sản lượng một số cây trồng chủ yếu và thủy sản, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất cũng như kim ngạch xuất khẩu qua các năm (Bảng 1)

Đặc biệt xuất khẩu nông sản đã có bước tăng trưởng khá trong thời gian qua, đến năm 2009, trong “Cầu lạc bộ” đạt kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD trở lên của cả nước có 12 thành viên thì nhóm ngành nông lâm thủy sản đã đóng góp tới 5 thành viên, đặc biệt mặt hàng thủy sản đã vươn lên vị trí thứ 3, sau dệt may và dầu thô (16).

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp cũng đang

gặp nhiều khó khăn, diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp, sản xuất quy mô nhỏ là chủ yếu, manh mún và phân tán với hàng chục triệu hộ và vài chục triệu thửa ruộng. Thời gian qua, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở nông thôn diễn ra khá dễ dãi, làm giảm quỹ đất nông nghiệp. Xét về hiệu quả kinh tế thì nông nghiệp VN còn ở mức thấp so với nhiều nước khác trong khu vực, thể hiện ở năng suất cây trồng, vật nuôi thấp, thí dụ: Trong khi năng suất lúa của VN chỉ là 55-60 tấn /1ha/năm, thì ở các nước tương đối khá cũng gấp rưỡi, ở các nước tiên tiến đều vượt ngưỡng 100 tấn/1ha/1năm (Nguồn: Vn Economy ngày 15/1/2008), tỷ trọng lao động nông nghiệp còn cao, gần bằng Hàn Quốc năm 1950 và Đài Loan năm 1955 (12), và năng suất lao động thấp (Bảng 2)

Là nước nông nghiệp nhưng VN vẫn phải nhập khẩu nhiều thức ăn gia súc, rất tốn kém. Bên cạnh đó là dịch bệnh hoành hành đã làm cho nhiều hộ gia đình bỏ chăn nuôi heo và gia cầm, quy mô đàn heo của cả nước năm 2008 đạt 26.702 nghìn con, giảm 733 nghìn con so với năm 2005; quy mô đàn gia cầm năm 2008 là 247 triệu con, giảm 8 triệu con so với năm 2003 (tính toán từ số liệu của Niên giám thống kê VN, 2008). Là nước có diện tích rừng lớn nhưng vẫn phải nhập tới 80% nguyên liệu với giá trị hàng tỷ USD để sản xuất ra đồ gỗ xuất khẩu (2). VN có lợi thế về các mặt hàng như gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, điều nhưng cho đến nay các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa

Bảng 1. Một số chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất nông nghiệp giai đoạn 1995- 2009

Các chỉ tiêu	1995	2000	2005	2006	2007	2008	2009
1. Sản lượng (nghìn tấn)							
- Lương thực	26.143	34.530	39.622	39.648	39.977	43.164	43.300
- Cà phê	218	803	752	985	961	996	1.045
- Cao su	125	291	482	555	610	663	723.7
- Thủy sản	1.584	2.251	3.466	3.721	4.198	4.583	4.848
2. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông-lâm-ngư (%)	5,9	7,3	4,9	4,4	5,0	5,6	3,2
3. Kim ngạch xuất khẩu							
- Gạo(nghìn tấn)	1.988	3.477	5.255	4.642	4.558	4.720	6.000
- Cà phê (nghìn tấn)	248	734	913	981	1.229	1.004	1.100
- Cao su (nghìn tấn)	138.1	273	554	704	715	645	700
- Rau quả (triệu USD)	56	213	236	259	306	396	418
-Thủy sản(triệu USD)	621	1.479	2.733	3.358	3.763	4.562	4.250

Nguồn: Niên giám thống kê, 2008 và *Con số và sự kiện*, Tạp chí của Tổng cục Thống kê 1+2/2010

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

Bảng 2. Năng suất lao nông nghiệp của VN và một số nước trong khu vực

ĐVT: USD

	1990	1995	2000	2005	2006	2007	2008
Singapore	25.839	35.055	34.609	38.318	28.660	26.647	28.093
Nhật	19.598	26.609	25.038	24.141	24.064	24.824	
Đài Loan	6.691	10.435	9.652	11.480	12.663	13.642	14.652
Hàn Quốc	6.902	13.264	9.312	15.042	16.565	16.705	11.906
Malaysia	6.722	10.768	11.370	20.882	24.918	29.803	37.975
Trung Quốc	249	411	501	818	945	1.246	1.623
Thái Lan	640	1.232	934	1.695	2.130	2.457	2.660
VN	106	280	425	677	762	883	1.125
Indonesia	816	1.426	973	1.584	2.159	2.391	2.707
Philippines	892	1.454	1.070	1.340	1.582	2.066	2.045
Campuchia	418*	399	335	421	473	553	699

Chú ý:(*) Số liệu của năm 1993

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ADB

xác định được quy mô hợp lý, nhiều nơi chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chạy theo phong trào mà không tính đến hiệu quả kinh tế và tính bền vững của sản phẩm, đồng thời do làm chưa tốt công tác dự báo khiến người nông dân luôn ở tình trạng bị động chạy theo thị trường một cách không tính toán, hiện tượng “được mùa, rớt giá” là phổ biến trong thời gian qua ở nông thôn. Bên cạnh đó, do làm chưa tốt công tác tiếp thị, chưa xây dựng được thương hiệu nên hàng nông sản VN thường phải bán giá thấp hơn so với các nước khác. Các hiệp hội ở nông thôn chưa phát huy được vai trò của mình trong việc bảo vệ người nông dân, thậm chí có hiệp hội còn chạy theo lợi ích cục bộ làm mất đi cơ hội bán được hàng với giá cao của người nông dân, như Hiệp hội lương thực năm 2008. Trong điều kiện hội nhập vào nền kinh tế thế giới, sản phẩm nông nghiệp VN chưa đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của người

tiêu dùng, nhiều vụ vi phạm tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm bị các nước nhập khẩu chỉ trích...

Về mặt xã hội

Nhờ sự phát triển nông nghiệp đều đặn, đời sống người nông dân dần dần đã được cải thiện, thu nhập bình quân của một nông hộ tăng từ 11 triệu đồng năm 2000 lên 16 triệu đồng năm 2006 (3). Tỷ lệ hộ nghèo của cả nước mà chủ yếu là ở nông thôn đã giảm từ 18,1 % năm 2004 còn 13,5% năm 2008 (2) và 12,3% năm 2009 (10). Tuy thu nhập của người dân nông thôn có tăng qua các năm nhưng so với thành thị còn khá thấp, mặc dù chênh lệch này có giảm nhưng với tốc độ còn chậm (Bảng 3)

Về giáo dục, y tế và văn hoá, theo số liệu của

Bảng 3. Thu nhập bình quân đầu người một tháng và chênh lệch

	1995	1996	1999	2002	2004	2006	2008
- Thu nhập chung (nghìn đồng)	206,1	226,7	295,0	356,1	484,4	636	995,0
- Thành thị (nghìn đồng)	452,8	509,4	516,7	622,1	815,4	1.058	1.605,0
- Tốc độ tăng so với năm 1995, (%)		112,5	114,1	137,4	180,8	233,7	354,5
- Nông thôn (nghìn đồng)	172,5	187,9	225,0	275,1	378,1	506	762,0
-Tốc độ tăng so với năm 1995, (%)		108,9	130,4	159,5	219,2	293,3	441,7
Chênh lệch (lần)	2,62	2,71	2,29	2,26	2,15	2,09	2,11

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2008, Kinh tế 2009 – 2010 VN và thế giới

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì đến nay cả nước đã cơ bản hoàn thành chương trình kiên cố hoá trường học, lớp học với 99,6% số xã có trường tiểu học; 91,2% số xã có trường trung học cơ sở; 10,2% số xã có trường trung học phổ thông; 53,7% số thôn có lớp mẫu giáo; 99,3% số xã có trạm y tế; 29,7% số xã và 43,7% số thôn có nhà văn hoá; 9,5% số xã có thư viện; 90% số xã có điểm bưu điện văn hoá; 94,4% số xã có máy điện thoại tại trụ sở; 75% số xã có hệ thống loa truyền thanh; 95% số hộ được nghe Đài Tiếng nói VN và 90% số hộ được xem các chương trình của truyền hình trung ương (3).

Nếu chỉ nhìn vào các con số trên đây thì phần nào cũng thấy được đời sống người nông dân VN đã được cải thiện một bước. Tuy nhiên, nếu tìm hiểu và phân tích sâu vào chất lượng cuộc sống thì đời sống người nông dân VN cũng đang có nhiều điều bất ổn, đe dọa sự phát triển bền vững.

Trước hết, một bộ phận nông dân bị thu hồi đất để phát triển công nghiệp và dịch vụ, tính bình quân mỗi năm, đất nông nghiệp bị giảm tới 75.000 ha (3). Ở một số địa phương, sau khi nhận được tiền đền bù, người nông dân vốn từ bao đời nay gắn bó với đất thì nay trở nên “trắng tay”, tiêu xài hết số tiền đền bù và trở thành người “thất nghiệp”.

Tình trạng thất nghiệp ở nông thôn còn do dân số tăng nhanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm chạp, các ngành nghề thủ công bị mai một, đầu tư chưa nhiều... thất nghiệp – thu nhập thấp – đói nghèo – thất nghiệp. Đó là cái vòng luẩn quẩn mà nếu không có chính sách vĩ mô thoả đáng thì người nông dân không thoát ra được. Thất nghiệp ở nông thôn trong thời gian qua đã gây ra nhiều hệ quả nghiêm trọng cả về kinh tế, xã hội, môi trường, đe dọa sự phát triển bền vững trong tương lai.

Tiếp theo phải nói đến đó là trình độ chuyên môn của nông dân rất thấp. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì hiện nay trên địa bàn nông thôn chỉ mới có 12 % nông dân được bồi dưỡng nghề nông; 31% cán bộ cấp thôn, bản, xã có trình độ sơ cấp đến trung cấp; 0,3% có trình độ đại học (3). Trình độ chuyên môn, trình độ văn hoá thấp cùng với tập quán canh tác nhỏ lẻ, tác phong lè mề, không biết khai thác thông tin, không biết phán đoán, suy luận một cách logic, có cơ sở khoa học mà chỉ chạy theo cảm tính thuần tuý nên người nông dân VN rất

dễ rơi vào tình trạng thiếu chủ động, dễ bị tổn thương trước những biến động khó lường của nền kinh tế thị trường, khó có thể phát triển bền vững được

Đời sống người nông dân vẫn ở mức thấp, thiếu điện, thiếu nước sạch, đường xá xuống cấp, cả nước vẫn còn hơn 300 xã, hơn 20.000 thôn, bản chưa có giao thông đến tận nơi (3). Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma tuý, mại dâm có phần gia tăng. Đặc biệt ở một số làng quê VN trong những năm gần đây xuất hiện nhiều bệnh nhân HIV, đa số họ đang trong độ tuổi lao động đều đã chết vì bệnh AIDS...

Về môi trường

Có thể nói đây là khâu yếu nhất của nông nghiệp và nông thôn VN trong mục tiêu hướng đến phát triển bền vững.

Trước hết phải nói đến nạn khai thác rừng một cách cạn kiệt. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính từ năm 1995 đến nay, mỗi năm rừng ở VN bị tàn phá không dưới 45.000 ha (4). Tình trạng gia tăng dân số, thu nhập thấp, đời sống không đảm bảo đã đẩy người dân vào con đường tàn phá thiên nhiên một cách thô bạo, nhiều khi cái lợi trước mắt dễ dàng che lấp những tác hại nghiêm trọng trong tương lai. Bên cạnh đó, việc phát triển ô ạt các công trình thủy điện ở nhiều địa phương trong thời gian qua đã làm suy giảm khá lớn diện tích rừng đầu nguồn, gây xáo trộn nghiêm trọng đối với hệ sinh thái, gây ra hạn hán, lũ lụt, lở đất, lũ quét... đã cướp đi sinh mạng của hàng trăm người và tệt hại hơn chính là cái giá mà chúng ta phải trả cho thế hệ tương lai là không thể tính nổi.

Tiếp theo phải kể đến việc đánh bắt bừa bãi cũng đang làm suy kiệt nguồn lợi thủy sản, vốn là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của VN. Với số lượng tàu cá tăng đột biến trong thời gian qua (theo số liệu của Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thì cả nước hiện nay có tới 95.388 tàu thuyền khai thác thủy sản các loại, từ thủ công đến lắp máy (5) trong khi ngư trường thì ngày càng bị thu hẹp đã làm cho khai thác vượt quá giới hạn cho phép, nhiều loại thủy sinh quý hiếm bị cạn kiệt và đã xuất hiện dấu hiệu đe dọa sự biến mất của một số loài thủy sinh có giá trị khai thác

Còn nuôi trồng thủy sản thì diện tích tăng ô ạt, thiếu quy hoạch, không tuân theo quy trình kỹ thuật nên đã gây tác động tiêu cực đến môi trường

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

nước. Bên cạnh đó là việc sử dụng nhiều và không đúng cách các loại hoá chất trong nuôi trồng thủy sản, các thức ăn dư lắng xuống đáy ao hồ, lòng sông làm cho môi trường nước bị ô nhiễm bởi các chất hữu cơ, từ đó làm phát triển một số loài sinh vật gây bệnh.

Trong trồng trọt, do bón quá nhiều phân hoá học, cây trồng không hấp thụ hết, phần còn lại ngấm vào đất, gây ô nhiễm đất. Các nghiên cứu cho thấy ở VN sử dụng phân bón trung bình cho từng cây là 0,19 kg lân; 0,41 kg kali; và 0,44 kg đạm, trong khi đó, mức độ cho phép tương ứng là: 0,09 kg; 0,27 kg; và 0,25 kg là có thể thu được mức sản lượng tối đa (6). Ngoài ra, với một chế độ canh tác, luân canh cây trồng không hợp lý cùng với việc sử dụng thuốc trừ sâu đã làm cho nguồn nước ngầm bị ô nhiễm nặng nề, hình thành những “làng ung thư” ở VN. Không những thế, việc bón qua nhiều phân hoá học còn làm cho đất đai bị suy kiệt, làm mất độ phì tự nhiên của đất, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất...

Trong chăn nuôi, ô nhiễm môi trường do sản xuất nhỏ lẻ, không có thiết bị xử lý các chất thải, lỏng, khí, cùng với việc giết mổ bừa bãi và dịch bệnh tràn lan, tất cả đã gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Trong phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, ô nhiễm môi trường cũng đang trong tình trạng báo động ở nhiều nơi do công nghệ cũ kỹ, lạc hậu, lại sử dụng những nguyên liệu rẻ tiền và lao động thủ công là chính. Trên thực tế chất thải có nồng độ ô nhiễm cao không được xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường. Theo số liệu công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào tháng 4/2009 thì ở VN hiện nay 60% số làng nghề là ô nhiễm nặng và 10% là ô nhiễm nhẹ (7). Ô nhiễm môi trường ở những làng nghề làm ảnh hưởng đến bầu không khí, tổn hại rất lớn đến sức khoẻ và tuổi thọ đối với người dân ở những vùng này. Theo kết

quả khảo sát của Hiệp hội làng nghề VN thì tuổi thọ bình quân của người lao động ở những làng nghề ngày càng suy giảm (chỉ có 60 tuổi, thấp hơn mức bình quân của cả nước là hơn 10 năm) và thấp hơn 5-10 năm so với những làng không có nghề (8).

3. Nguyên nhân

Rõ ràng nông nghiệp và nông thôn VN đang đứng trước nhiều thách thức, đe dọa sự phát triển bền vững. Sở dĩ có tình hình trên, theo tác giả bài viết này là do các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, nhận thức về vai trò nông nghiệp chưa đúng, chưa thấy hết tiềm năng sản xuất nông nghiệp của VN, chưa đầu tư thoả đáng cho nông nghiệp. Vì còn có quan điểm cho rằng để đạt được mục tiêu đưa đất nước sớm trở thành một nước công nghiệp hoá vào năm 2020 thì phải nhanh chóng thu hẹp nông nghiệp, mở rộng công nghiệp và dịch vụ. Do tư tưởng nóng vội nên bằng mọi giá phải phát triển các khu công nghiệp, phải lấy đất nông nghiệp cho các mục tiêu phi nông nghiệp, phải đầu tư nhiều hơn vào công nghiệp ... Kết quả là sự quan tâm đến nông nghiệp chưa thoả đáng, đầu tư cho nông nghiệp rất ít và lại có xu hướng giảm qua các năm (Bảng 4)

Theo tính toán của Bộ Tài chính, mức đầu tư trên chỉ đáp ứng được khoảng 17% nhu cầu. Đầu tư ít, nhỏ giọt, cầm chừng thì làm sao có điều kiện để nông nghiệp VN cất cánh. Thiếu vốn đầu tư, chẳng những sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng mà các vấn đề xã hội, vấn đề môi trường cũng không thể giải quyết được. Đầu tư trong nước đã ít, đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp càng ít và có xu hướng giảm dần qua các năm. Tính chung đến hết năm 2009, FDI vào nông nghiệp cũng chỉ khoảng trên dưới 3% so với tổng vốn cam kết cho VN từ năm 1988 đến nay. (Theo tính toán từ số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Bảng 4. Cơ cấu vốn đầu tư phát triển theo ngành của VN giai đoạn 1997-2008

ĐVT:%

	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Nông nghiệp	13,1	12,8	14,1	13,8	9,6	8,8	8,5	7,9	7,5	7,4	6,5	6,4
Công nghiệp	33,9	35,6	37,0	39,3	42,4	42,3	41,2	42,7	42,6	42,2	43,5	41,5
Dịch vụ	53,0	51,6	48,9	46,9	48,0	48,9	50,3	49,4	49,9	50,4	50,0	52,1
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2008, Kinh tế 2009 – 2010 VN và thế giới

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

Thứ hai, công tác quy hoạch làm chưa tốt. Tình trạng hàng triệu tấn gạo của nông dân ở ĐBSCL bị rớt giá; hàng trăm ngàn tấn cá tra, cá basa đã đến thời vụ mà chưa được thu hoạch; hàng ngàn hecta cà phê ở Tây Nguyên phải chặt bỏ vì không bán được hoặc ngược lại mở rộng hàng ngàn hecta cà phê mà chưa xây dựng nguồn nước tưới rồi diện tích trồng lúa bị thu hẹp vì lấy đất xây dựng sân banh, sân gôn, các khu công nghiệp. Tất cả là hệ quả tất yếu của việc sản xuất thiếu quy hoạch. Trên thực tế một số nơi cũng đã có quy hoạch vùng nhưng dựa vào ý chí chủ quan là chính mà chưa tính đến nhu cầu của thị trường, chưa làm tốt công tác tổ chức và rà soát việc thực hiện quy hoạch.

Thứ ba, sản xuất nhỏ, manh mún, công nghiệp chế biến chưa phát triển. Do phương châm “người cày có ruộng” và chính sách hạn điền cùng với phong trào khoán hộ mà đất nông nghiệp VN hiện bị chia cắt quá manh mún. Theo số liệu khảo sát gần đây của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì cả nước có tới hơn 75 triệu thửa ruộng, bình quân một hộ nông dân chỉ có 0,7 ha (14). Sản xuất nhỏ manh mún dẫn đến khó thực hiện cơ giới hoá, người nông dân khó tiếp cận với tín dụng, khó áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, năng suất lao động thấp, giá thành cao, sản phẩm làm ra không đồng nhất cả về chất lượng và mẫu mã, khả năng cạnh tranh kém. Sản xuất manh mún cũng dẫn đến khó áp dụng công nghệ chế biến. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì cả nước hiện nay có 1.253 nhà máy chế biến nông, lâm, thủy sản (15). Nhờ có sự phát triển công nghiệp chế biến, sản phẩm nông nghiệp VN đã bước đầu thâm nhập vào thị trường thế giới, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Tuy nhiên so với nhu cầu thì ngành công nghiệp chế biến chưa phát triển, nhiều sản phẩm vẫn phải xuất thô (90% sản phẩm nông nghiệp được bán ra ở dạng thô), vì thế thương hiệu lại thuộc về các hãng chế biến nước ngoài, giá trị thấp. Tuy nhiên cũng có tình trạng công nghiệp chế biến lại đi trước cả sản xuất nông nghiệp. Thí dụ, đối với ngành chế biến thủy sản, nhiều nhà máy sử dụng không hết công suất, thậm chí phải đóng cửa do thiếu nguồn nguyên liệu. Điều đó cho thấy quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến phải gắn liền với quy hoạch phát triển nông nghiệp.

Thứ tư, cơ sở hạ tầng yếu kém, cơ sở vật chất

kỹ thuật nghèo nàn. Mặc dù trong thời gian qua, giao thông nông thôn đã được Chính phủ đầu tư xây dựng. Việc đưa một loạt cây cầu mới vào hoạt động ở ĐBSCL, rồi xây dựng đường cao tốc TP.HCM - ngã ba Trung Lương đã cho thấy cơ sở hạ tầng ở nông thôn được sự quan tâm và đầu tư nhất định từ phía Nhà nước và một số nhà tài trợ nước ngoài. Tuy nhiên, đường nội bộ ở nông thôn vẫn chưa phát triển, cả giao thông đường thủy cũng vậy. Hệ thống điện, đường, trường, trạm còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển nông sản cũng như nâng cao trình độ dân trí, sức khoẻ cộng đồng cho người nông dân. Cơ sở hạ tầng yếu kém ở nông thôn dẫn đến khó tiếp cận với thị trường, giá thành cao, làm mất đi khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Cơ sở hạ tầng kém gây khó khăn cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội trong nông nghiệp

Đầu tư cho y tế giáo dục chưa nhiều, tình trạng trẻ em phải học ở những ngôi trường xuống cấp, tạm bợ là vẫn có, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa.

Thứ năm, tính hội nhập vào nền kinh tế thế giới còn thấp, thiếu tính chủ động. Mặc dù VN đã gia nhập WTO gần 3 năm, nhưng sự hiểu biết về tổ chức này của người VN còn rất hạn chế, đặc biệt là người nông dân, họ không có thông tin về thị trường thế giới, không hiểu biết về luật thương mại của các nước, khi xảy ra các vấn đề liên quan đến pháp lý thì họ chỉ biết dựa vào các hiệp hội nhưng hiệp hội chưa đủ mạnh để giúp họ xử lý các vụ đó. Vào WTO, hàng nông sản VN có nhiều điều kiện thuận lợi để thâm nhập vào thị trường các nước, nhưng chúng ta cũng chưa tận dụng được những cơ hội này. Thí dụ, lúa là một mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu chủ lực của VN nhưng cho đến nay rất ít doanh nghiệp sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn chất lượng cao vào thị trường các nước, nhất là Nhật, EU, hoặc ngành thủy sản vẫn phải luôn đối đầu với những cuộc kiện bán phá giá và vi phạm chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Cùng với việc thực hiện cắt giảm thuế quan, VN chưa biết sử dụng các rào cản mậu dịch phi thuế quan để ngăn chặn nhập khẩu những mặt hàng nông sản không đủ chất lượng vào thị trường VN.

Thứ sáu, trình độ nhận thức, trình độ chuyên môn của người nông dân còn nhiều hạn chế, tính thụ động, thủ cựu của người nông dân cũng là một cản trở. Do thoát thai từ một nền kinh tế tiểu nông tự cung tự cấp, người nông dân VN chịu ảnh

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

hưởng nặng nề của lối tư duy cũ, khó có thể đáp ứng yêu cầu của một nền kinh tế hội nhập đầy năng động. Chất lượng nguồn lao động lại thấp (như trên đã phân tích) đang là một trong những khó khăn lớn nhất, là rào cản cho việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh - hiện đại và bền vững.

Thứ bảy, chưa coi trọng việc giữ gìn môi trường tự nhiên. Điều đó thể hiện trong việc đầu tư cho bảo vệ môi trường tự nhiên còn thấp, nhận thức của người lao động về vấn đề này càng thấp, chưa có những chính sách khuyến khích, thưởng thoả đáng cho những người bảo vệ tốt môi trường, đồng thời chưa có những biện pháp ngăn ngừa, phạt nặng đối với những người vi phạm.

Thứ tám, quản lý đối với nông nghiệp chưa thật hiệu quả. Chưa có những định hướng phát triển lâu dài mà chủ yếu vẫn là những giải pháp mang tính ngắn hạn, đối phó. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã quá tải do phải điều hành rất nhiều vấn đề, trong khi muốn giải quyết mục tiêu nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững, tức là phải thực hiện tốt vấn đề “tam nông” thì đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa tất cả các Bộ, các ngành trên phạm vi toàn quốc.

4. Và những giải pháp

Như vậy để nông nghiệp VN phát triển bền vững cần giải quyết đồng bộ các vấn đề sau đây:

- *Nhận thức đầy đủ vai trò của nông nghiệp*

Chiếm trên 70% dân số, trên 50% lao động của cả nước, nông nghiệp vẫn là một ngành sản xuất chủ lực của VN trong nhiều năm tới. Lịch sử phát triển của dân tộc đã chứng minh rằng nông nghiệp có một vị trí rất quan trọng trong việc cung cấp sức người, sức của và tri thức cho đất nước. Quá trình đổi mới kinh tế ở VN cũng bắt đầu từ nông nghiệp, thông qua hình thức khoán hộ, và mô hình tự cân đối, tự trang trải ở Tổng công ty xuất khẩu thủy sản Seaprodex. Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực năm 1997 và cuộc khủng hoảng tài chính thế giới vừa qua càng khẳng định thêm vai trò của nông nghiệp, nó như cái “lá chắn”, là “bà đỡ”, là “cứu cánh” vững chắc bảo vệ nền kinh tế VN trước những tác động tiêu cực của nền kinh tế thế giới. So với nhiều ngành khác thì VN vẫn có lợi thế về nông nghiệp. Trong khi cả nền kinh tế nhập siêu liên tục thì nông nghiệp lại xuất siêu và mỗi năm mỗi tăng. Theo số liệu của

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì xuất siêu của nông nghiệp trong 3 năm qua 2007 - 2009 lần lượt là: 5,43 ; 5,87; và 7,35 tỷ USD (Agro Info 24/3/2010). Nông nghiệp phát triển đúng hướng chính là gìn giữ được văn hoá, bản sắc dân tộc, là bảo vệ được cân bằng sinh thái, là phát triển bền vững. Điều đó lý giải tại sao các nước phát triển rất chú ý đến nông nghiệp, họ đề cao người nông dân.

- *Tăng cường đầu tư cho nông nghiệp*

Có thể coi đây là một trong những giải pháp quan trọng nhất, tạo tiền đề vật chất để cho nông nghiệp VN phát triển bền vững, là giải pháp của các giải pháp. Muốn vậy, ngoài việc tăng mạnh đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nông nghiệp cần có những biện pháp để thu hút được nhiều vốn từ các kênh khác, trong đó có kênh FDI. Kinh nghiệm thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp của các nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, v.v.. là những bài học đáng để cho VN nghiên cứu và học tập. Vấn đề nông nghiệp – nông dân và nông thôn phải là mối quan tâm và thể hiện trách nhiệm của mọi ngành, mọi doanh nghiệp, mọi công dân VN, vì thế việc thành lập một quỹ hỗ trợ phát triển cho nông nghiệp do mọi ngành, mọi doanh nghiệp và cả cá nhân đóng góp, thiết nghĩ cũng là hướng đi khả thi để tăng kênh đầu tư cho nông nghiệp.

- *Thay đổi cách làm quy hoạch*

Khác với ở nhiều nước, người ta làm quy hoạch là cụ thể hoá trên từng tọa độ, còn ở VN làm quy hoạch theo lãnh thổ, chỉ có định hướng mà không vẽ được trên tọa độ. Như vậy, ngoài việc thay đổi cách làm quy hoạch, quy hoạch thực sự có hiệu quả, người nông dân luôn giành thế chủ động trước những biến động của thị trường, Nhà nước cần xác định ngành nào là ngành có lợi thế cạnh tranh của từng vùng và từ đó tập trung tối đa cho ngành đó, từ các hỗ trợ về tín dụng đến công tác khuyến nông; từ các chính sách về thuế đến giải quyết đầu ra cho sản phẩm.... Từ đó hình thành những trang trại quy mô lớn, hoặc các hợp tác xã kiểu mới với quy mô vài chục cho đến hàng trăm hộ tùy loại sản phẩm. Đất nông nghiệp là cấm được dùng cho các mục tiêu phi nông nghiệp, điều này phải được Quốc hội thông qua thành luật, các địa phương không được quyết định vấn đề này. Quy hoạch phải đồng bộ: Nhà máy phải gắn liền với vùng nguyên liệu; sản xuất phải gắn với thị trường. Làm quy hoạch phải có tầm nhìn xa.

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

- Khắc phục sản xuất nhỏ, manh mún, phát triển mạnh công nghiệp chế biến

Cần tiếp tục thực hiện chính sách tích tụ ruộng đất thông qua việc “dồn điền, đổi thửa”, bãi bỏ chế độ hạn điền, từ đó hình thành nên các trang trại quy mô lớn, các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới và các vùng chuyên canh cây ăn trái lớn, khép kín từ A tới Z. Muốn thực hiện được vấn đề nêu trên phải có chính sách giải quyết công ăn việc làm cho những người nông dân không còn làm nông nghiệp. Họ có thể chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ ngay trên mảnh đất quê hương mình trong các khu công nghiệp hoặc các ngành nghề truyền thống của địa phương. Muốn vậy cần có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực ở nông thôn. Phát triển mạnh các hình thức hợp tác dọc, ngang, tiếp tục thực hiện liên kết chặt chẽ mô hình “4 nhà”. Chỉ bằng sản xuất lớn, nông nghiệp VN mới có điều kiện để sử dụng công nghệ tiên tiến, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật và tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, đồng nhất, đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng thế giới. Sản xuất lớn góp phần làm tăng tính hiệu quả nhờ quy mô, mỗi địa phương chỉ nên sản xuất một vài sản phẩm có lợi thế lớn nhất, không thể để tình trạng một sản phẩm, nơi nào cũng sản xuất, thậm chí một sản phẩm lại còn nhiều giống khác nhau, như thế chỉ để tiêu thụ nội địa, ăn “chơi” thôi, không thể xuất khẩu được.

Sản xuất lớn đòi hỏi phải phát triển mạnh mẽ công nghiệp chế biến. Chỉ có qua chế biến, sản phẩm nông nghiệp mới có chỗ đứng vững chắc trên thị trường thế giới, vừa tăng được giá trị sản phẩm, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, vừa giành thế chủ động trong tiêu thụ sản phẩm. Muốn vậy, mỗi địa phương cần đầu tư nhiều hơn nữa cho công nghiệp chế biến. Quy hoạch công nghiệp chế biến phải gắn liền với quy hoạch phát triển nông nghiệp, đặc biệt là vùng nguyên liệu. Cũng cần chú ý đến trang bị công nghệ chế biến quy mô nhỏ, thích hợp với những cụm gia đình, gắn liền với công nghiệp địa phương và các cụm công nghiệp lớn của Trung ương.

- Đầu tư thật mạnh cho việc nâng cấp cơ sở hạ tầng ở nông thôn, trang bị lại cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp

Chính phủ cần có chính sách thoả đáng cho việc xây dựng điện - đường - trường - trạm ở nông thôn trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm. “Nhân dân” ở đây không có nghĩa là người nông

dân lại phải tiếp tục gồng mình đóng góp vì họ đã phải đóng góp quá nhiều mà là trách nhiệm đóng góp của các ngành khác cho nông nghiệp. Để nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng ở nông thôn, ngoài ngân sách của Chính phủ, đầu tư ODA của nước ngoài thì việc huy động vốn của tư nhân, giao cho tư nhân xây dựng các công trình công cộng ở nông thôn cũng là một cách giải quyết để trong một thời gian ngắn, bộ mặt nông thôn có thể thay đổi, đặc biệt là sự đóng góp của những người ở xa quê và của các cơ sở sản xuất trên địa bàn. Đối với những dự án nhỏ như đường liên thôn, liên xã, trạm y tế, thư viện, phòng đọc, nhà trẻ, trường mẫu giáo.. có thể huy động lao động tại chỗ, tạo việc làm cho người nông dân. Kinh phí lấy từ ngân sách địa phương và sự đóng góp của các ban ngành và phải trả thù lao thoả đáng cho người lao động.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, sự hiểu biết về thị trường thế giới cho người lao động

Nông dân là chủ thể quan trọng nhất trong tam giác tay ba: Nông nghiệp – nông thôn – nông dân. Muốn nông nghiệp VN sản xuất có hiệu quả; nông thôn VN ngày càng đổi mới theo hướng hiện đại; và môi trường tự nhiên ngày càng trong sạch thân thiện thì người nông dân phải được “nâng cấp” về mọi mặt. Trước hết, họ phải được học hành để nâng cao trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn. Muốn vậy, cần tiếp tục nâng cấp và xây dựng mới trường lớp ở mọi cấp học. Riêng đối với cấp bậc đại học không nên mở quá nhiều như trong thời gian qua, tỉnh nào cũng có, thậm chí có tỉnh có vài trường đại học. Thay vào đó là mỗi tỉnh nên chú ý đến các hình thức đào tạo nghề trong các trường trung cấp và cao đẳng nhằm tạo ra một đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề nhất định, phục vụ cho nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cho quá trình đô thị hoá nông thôn, hình thành một đội ngũ “nông dân công nghiệp” làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương của mình. Bên cạnh đó, để thích ứng với nền kinh tế thị trường trong bối cảnh VN ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, phải đáp ứng những quy định của WTO và người nông dân phải có sự hiểu biết về thị trường thế giới, có đầu óc nhanh nhạy, biết tư duy logic, biết tính toán hiệu quả, biết nhìn về tương lai. Muốn vậy, ngoài việc nâng cao trình độ dân trí cho người nông dân thông qua các phương tiện truyền thông, các chương trình giáo dục phổ cập quốc gia,

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

người nông dân còn được trang bị kiến thức về lịch sử, văn hoá, về kinh tế, chính trị, ngoại ngữ của các nước và của VN.

- *Nâng cao ý thức của người nông dân trong việc bảo vệ môi trường*

Để bảo vệ môi trường ở nông thôn, hơn ai hết người nông dân là người có trách nhiệm cao nhất, nếu không chẳng những họ tự huỷ hoại môi trường sống hiện tại mà còn ảnh hưởng lâu dài đến các thế hệ mai sau. Muốn vậy, trước hết người nông dân phải được trang bị kiến thức về môi trường, về những tác hại của nó và cách bảo vệ. Mỗi địa phương phải tổ chức được các đội làm công tác bảo vệ môi trường, tập trung những người có tâm huyết được trang bị kiến thức, các phương tiện, các thiết bị để phổ biến các kiến thức về môi trường cho người nông dân, vận động họ thay đổi những tập quán, những thói quen gây ô nhiễm môi trường. Phải xử phạt nặng những người cố ý gây ô nhiễm môi trường như chặt phá rừng, dùng các phương tiện đánh bắt hiện đại để huỷ diệt nguồn lợi thủy sản... Mặt khác, chính quyền địa phương cũng cần phải thường đích đáng cho những người nông dân, những hộ gia đình, những tập thể có thành tích bảo vệ môi trường. Đã đến lúc, Nhà nước phải chi tiền cho nông dân để bảo vệ môi trường như quan điểm của FAO đưa ra trong báo cáo tổng quan về thực phẩm và nông nghiệp năm 2007, công bố ngày 15/11/2007 (11)

5. Lời kết

Nông dân là người trực tiếp sản xuất, họ hàng ngày phải “đối mặt với đất, đối lưng với trời”, là người “một nắng hai sương” để làm ra lương thực, thực phẩm mà thiếu nó, chúng ta không thể tồn tại được, do đó họ phải được sung sướng, ấm no và hạnh phúc. Nhận thức được điều đó, việc xây dựng nông thôn mới, ở đó sản xuất có hiệu quả với môi trường trong sạch và xã hội văn minh, hiện đại là trách nhiệm của Chính phủ, các ngành, các doanh nghiệp và mỗi chúng ta. Hy vọng với Nghị quyết về “tam nông” mà Đảng đã thông qua vào Hội nghị lần thứ 7 của BCH Trung ương Đảng khoá X ngày 5/8/2008 vừa qua sẽ đi vào cuộc sống, góp phần làm cho nông nghiệp phát triển bền vững hơn■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở VN (Chương trình nghị sự 21 của VN), Hà Nội, 08/2004, trang 5.
2. Kinh tế 2008-2009 VN và thế giới, *Thời báo kinh tế VN*.
3. www.isgmard.org.vn, *Những chủ trương, giải pháp phát triển nông thôn bền vững- công bằng trong tiến trình CNH-HĐH của VN đến năm 2020*, Bài phát biểu của ông Tăng Minh Lộc, Phó cục trưởng Cục HTX và PTNT- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Hội nghị toàn thể ISG ngày 7/11/2007.
4. <http://www.thanhnien.com.vn/news> (1/4/2009).
5. Tạp chí *Thương mại thủy sản*, số 97, tháng 1/2008, trang 10.
6. <http://www.hanoimoi.com.vn/print/309774> (25/2/2010).
7. www.monre.gov.vn, *Ô nhiễm môi trường ở các làng nghề VN* (26/12/2009).
8. <http://www.agroviet.gov.vn> (18/12/2009)
9. Niên giám thống kê, 2008.
10. *Con số và sự kiện*, Tạp chí của Tổng cục Thống kê 1+2 /2010.
11. Tạp chí *Thương mại thủy sản* số 101+102, tháng 5,6/2008, trang 72,73.
12. Tính toán từ số liệu của GSO và Harry T.Oshima, *Tăng trưởng kinh tế ở châu Á gió mùa*.
13. Số liệu thống kê của ADB.
14. Nguyễn Lâm Dũng, 2008, <http://www.tapchicongsan.org.vn/print>.
15. http://www.hanoimoi.com.vn/news_detail/kinhte (23/1/2010).
16. Kinh tế 2009-2010 VN và thế giới, *Thời báo kinh tế VN*.